

Số: 01 /NQ- ĐHĐCĐ

Phủ Thọ, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc (“Công Ty”);
- Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc ngày 17/04/2026.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc (“Công Ty”) đã biểu quyết để thông qua các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết 01:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng năm 2026.
- Nghị quyết 02:** Thông qua Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2025.
- Nghị quyết 03:** Thông qua Báo cáo của Ban điều hành Kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026.
- Nghị quyết 04:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 27/3/2026 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	Tổng tài sản tại 31/12/2025	193.728.584.640
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	18.881.030.997
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	15.199.101.093

- Nghị quyết 05:** Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2026 theo tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 27/3/2026 với một số nội dung cơ bản như sau:

- **Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025:**

**Năm 2025:** Thanh toán thù lao cho HĐQT, BKS là 12 tháng

Mức thù lao: - Chủ tịch HĐQT:	3 triệu đồng/tháng
- Thành viên HĐQT:	2 triệu đồng/tháng
- Trưởng BKS:	2 triệu đồng/tháng
- Thành viên BKS:	1 triệu đồng/tháng

Số lượng thành viên HĐQT: 05 người (trong đó 01 Chủ tịch và 04 ủy viên)

Số lượng thành viên BKS: 03 người (trong đó 01 Trưởng ban và 02 ủy viên)

**Tổng mức thù lao đã chi trả cho HĐQT và BKS năm 2025 là: 180 triệu đồng.**

**- Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2026**

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026 cũng như so sánh với các công ty cổ phần cùng quy mô, loại hình hoạt động, HĐQT Công ty đề nghị Đại hội cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch chi thù lao năm 2026 giữ nguyên như mức năm 2025.

Mức thù lao:

- Thành viên HĐQT:	2 triệu đồng/tháng
- Trưởng BKS:	2 triệu đồng/tháng
- Thành viên BKS:	1 triệu đồng/tháng

**6. Nghị quyết 06:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 27/3/2026 với một số nội dung cơ bản như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025: **15.199.101.093** đồng

- Trích quỹ đầu tư phát triển (45%): 6.840.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi xấp xỉ 3 tháng lương bình quân thực hiện năm 2025: 4.522.051.093 đồng
- Chia cổ tức cho các cổ đông số còn lại: 3.837.050.000 đồng, tương đương mức cổ tức là 3,5% Vốn điều lệ.

**7. Nghị quyết 07:** Thông qua ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty theo tờ trình số 06/TTr-BKS ngày 27/3/2026.

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với quy định hiện hành.
- Tổ chức kiểm toán độc lập này được Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo danh sách hàng năm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán phù hợp: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, Công ty TNHH kiểm toán VACO.

8. **Nghị quyết 08:** Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 27/3/2026.

**Điều 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng/ban/Chi nhánh/đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Công ty (để b/c);
- HĐQT, BKS (để biết);
- Ban Giám đốc (để t/hiện);
- Lưu VP, VT;

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



*[Handwritten signature]*  
Ngô Trường Giang

Số: Đ4./BB-ĐHĐCĐ

Phú Thọ, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC (“Công Ty”)**  
Mã chứng khoán : **NVP**  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 2500144719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 14/09/1999, Sở tài chính tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/07/2025.  
Địa chỉ trụ sở chính : Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam  
Điện thoại : 02113 869 364 Fax: 02113 868 663  
Thời gian họp : Từ 08h30 ngày 17 tháng 04 năm 2026  
Địa điểm họp : Hội trường tầng 3, Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc, số 220 đường Trần Phú, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ.

**A. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI, TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:**

**1. Thành phần tham dự Đại hội**

- ✓ **Cổ đông:** Tất cả cổ đông hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 19/03/2026. (Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp).
- ✓ **Các Ông/Bà là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đương nhiệm và các thành viên Ban tổ chức Đại hội.**

**2. Tính hợp lệ của Đại hội**

Vào hồi 08h30’, Đại hội đã nghe Ông Vũ Mạnh Hà - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của Công Ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ngày 19/03/2026 là 118 cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu: 10.963.000 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với 100% tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết.

+ Số cổ đông tham dự đại hội: 93 cổ đông tham dự trực tiếp và ủy quyền, đại diện cho quyền sở hữu 10.938.200 cổ phần (tương ứng 10.938.200 phiếu biểu quyết), chiếm tỷ lệ 99,7738% tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết.

+ Số cổ đông vắng mặt: 25 cổ đông tương đương 24.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,2262% tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, số cổ đông tham dự chính thức và ủy

quyền đủ tư cách tham dự kỳ họp ĐHCĐ thường niên năm 2026 của Công ty và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự đảm bảo cho ĐHCĐ tiến hành một cách hợp lệ.

## **B. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:**

### **I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Tiên Sơn - thay mặt Ban tổ chức phát biểu khai mạc Đại hội.

### **II. ĐẠI HỘI THÔNG QUA NHÂN SỰ ĐOÀN CHỦ TỊCH, BAN THƯ KÝ, BAN KIỂM PHIẾU**

#### **1. Đoàn Chủ tịch gồm có:**

- + Ông Ngô Trường Giang - Chủ tọa Đại hội
- + Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên Đoàn chủ tịch
- + Ông Bùi Tiến Dũng - Thành viên Đoàn chủ tịch

#### **Kết quả biểu quyết bầu nhân sự Đoàn Chủ tịch:**

- Hình thức biểu quyết : Giơ thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch với tỷ lệ tán thành 100%.

#### **2. Ban Thư ký:**

- + Ông Nguyễn Tiên Sơn - Trưởng ban Thư ký
- + Bà Ngô Thị Vinh - Thành viên

#### **3 Ban kiểm phiếu:**

- + Ông Dương Cảnh Hưng - Trưởng ban
- + Ông Nguyễn Đức Ninh - Thành viên
- + Ông Nguyễn Văn Phương - Thành viên
- + Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thành viên
- + Bà An Thị Thu - Thành viên

#### **Kết quả biểu quyết bầu nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu:**

- Hình thức biểu quyết : Giơ thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành 100%.

### **III. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI**

Đại hội đã nghe Ông Ngô Trường Giang – Chủ tọa Đại hội - trình bày nội dung Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội trình ĐHĐCĐ thông qua.

**Nội dung của Đại hội gồm có:**

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng năm 2026.
2. Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2025.
3. Báo cáo của Ban điều hành Kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026.
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.
5. Tờ trình v/v quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2026.
6. Tờ trình v/v phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025;
7. Tờ trình về ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
8. Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty;
9. Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ;
10. Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ.

**❖ Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình họp:**

- Hình thức biểu quyết	: Giơ thẻ biểu quyết	
- Tổng số phiếu hợp lệ:	10.938.200 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 100%
+ Tổng số phiếu tán thành:	10.938.200 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 100%
+ Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 0%
+ Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ:	0 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua Chương trình họp với tỷ lệ tán thành 100%

**❖ Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026:**

- Hình thức biểu quyết	: Giơ thẻ biểu quyết	
- Tổng số phiếu hợp lệ:	10.938.200 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 100%
+ Tổng số phiếu tán thành:	10.938.200 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 100%
+ Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 0%
+ Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ:	0 phiếu biểu quyết	: Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 với tỷ lệ tán thành 100%.

#### **IV. CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI**

1. Ông Ngô Trường Giang – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng năm 2026.
2. Ông Dương Cảnh Hưng – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2025 CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc và Tờ trình v/v ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty.
3. Ông Nguyễn Thanh Tùng – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Ban điều hành kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026.
4. Bà Ngô Thị Vinh trình bày các tờ trình:

- ✓ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán;
  - ✓ Tờ trình v/v quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2026;
  - ✓ Tờ trình v/v phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025;
5. Ông **Ngô Trường Giang** trình bày tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty.

## V. PHẢN THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

1. Phản thảo luận.

Các cổ đông không có ý kiến thảo luận

2. Sau khi kết thúc thảo luận, Chủ tọa đề nghị Cổ đông cho ý kiến biểu quyết nội dung các Báo cáo, tờ trình đã trình bày tại Đại hội vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào hòm phiếu.

## VI. ĐẠI HỘI NGHĨ GIẢI LAO 15 PHÚT

## VII. PHẢN BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

✓ Ông **Dương Cảnh Hưng** – Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung như sau:

1. **Nghị quyết 01:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

2. **Nghị quyết 02:** Thông qua Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2025 CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

3. **Nghị quyết 03:** Thông qua Báo cáo của Ban điều hành kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026:

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

4. **Nghị quyết 04:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 27/03/2026 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	Tổng tài sản tại 31/12/2025	193.728.584.640
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	18.881.030.997
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	15.199.101.093

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

5. **Nghị quyết 05:** Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2026 theo tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 27/03/2026 với một số nội dung cơ bản như sau:

✓ **Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025:**

**Năm 2025:** Thanh toán thù lao cho HĐQT, BKS là 12 tháng

- Mức thù lao: - Chủ tịch HĐQT: 3 triệu đồng/tháng  
- Thành viên HĐQT: 2 triệu đồng/tháng  
- Trưởng BKS: 2 triệu đồng/tháng  
- Thành viên BKS: 1 triệu đồng/tháng

Số lượng thành viên HĐQT: 05 người (trong đó 01 chủ tịch và 04 ủy viên)

Số lượng thành viên BKS: 03 người (trong đó 01 trưởng ban và 02 ủy viên)

**Tổng mức thù lao đã chi trả cho HĐQT và BKS năm 2024 là: 180 triệu đồng.**

✓ **Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2026**

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026 cũng như so sánh với các công ty cổ phần cùng quy mô, loại hình hoạt động, HĐQT Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch chi thù lao năm 2026 như sau:

Mức thù lao:

- Thành viên HĐQT: 2 triệu đồng/tháng
- Trưởng BKS: 2 triệu đồng/tháng
- Thành viên BKS: 1 triệu đồng/tháng

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

**6. Nghị quyết 06:** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025 theo tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 27/03/2026 với một số nội dung cơ bản như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025: 15.199.101.093 đồng

- Trích quỹ đầu tư phát triển (45%): 6.840.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi xấp xỉ 3 tháng lương bình quân thực hiện năm 2025: 4.522.051.093 đồng
- Chia cổ tức cho các cổ đông số còn lại: 3.837.050.000 đồng, tương đương mức cổ tức là: 3,5% Vốn điều lệ.

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

**7. Nghị quyết 07:** Thông qua Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty theo tờ trình số 06/TTr-BKS ngày 27/03/2026:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với quy định hiện hành.
- Tổ chức kiểm toán độc lập này được Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo danh sách hàng năm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán phù hợp: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, Công ty TNHH kiểm toán VACO.

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.936.900 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 99,9881%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0,0119%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 99,9881%

8. **Nghị quyết 08:** Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 27/03/2026:

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.936.900 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 99,9881%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0,0119%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 99,9881%.

## X. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Ngô Thị Vinh - Thư ký đọc toàn văn Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.938.200 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội với tỷ lệ tán thành 100%.

## C. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Ngô Trường Giang - Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc kết thúc vào lúc 11h30 phút cùng ngày./.

### ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

THÀNH VIÊN



Bùi Tiến Dũng

THÀNH VIÊN



Nguyễn Thanh Tùng



Ngô Trường Giang

### BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

THÀNH VIÊN



Ngô Thị Vinh

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Tiến Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

Địa chỉ: Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Yên, T.Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 02113 868 661

Fax: 02113 868 663

Mã số doanh nghiệp: 2500144719

Website: <http://nuocsachvinhphuc.com.vn/>**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Thời gian: 08h00 ngày 17 tháng 04 năm 2026

Địa điểm: Hội trường tầng 3, Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc, Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

THỜI GIAN	NỘI DUNG
08h00 – 08h30	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đón tiếp khách mời.</li><li>- Kiểm tra tư cách cổ đông, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu.</li></ul>
08h30 – 08h50	<ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.</li><li>- Chào cờ, tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, khai mạc đại hội.</li><li>- Giới thiệu đại biểu tham dự.</li></ul>
08h50 – 09h10	Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu. Thông qua chương trình Đại hội và Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội.
09h10 – 09h20	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng năm 2026.
09h20 – 09h30	Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2025.
09h30 – 09h40	Báo cáo KQ SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026 của Ban Điều hành.
09h40 – 10h00	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán;</li><li>- Tờ trình v/v quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2026;</li><li>- Tờ trình v/v phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025;</li><li>- Tờ trình v/v ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026 của Công Ty;</li><li>- Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty;</li><li>- Các nội dung khác (nếu có).</li></ul>
10h00 – 10h25	Thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội.
10h25 – 10h40	Nghỉ giải lao.
10h40 – 10h50	Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
10h50 – 11h00	Thông qua Biên bản đại hội và Nghị quyết Đại hội.
11h00 – 11h05	Tuyên bố bế mạc Đại hội.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC

Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 02113 868 661

Fax: 02113 868 663

Mã số doanh nghiệp: 2500144719 Website: <https://www.nuocsachvinhphuc.com.vn>

## QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT

### TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

### CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC

#### **Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Quy chế này.

#### **Điều 2: Nguyên tắc chung**

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông phải mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn đón tiếp và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định, tuân thủ sự sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng đại hội.
4. Giao tiếp hòa nhã, thân thiện, giữ trật tự và thái độ nghiêm túc trong giờ họp. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông (*nếu có nhu cầu sử dụng điện thoại di động xin mời quý cổ đông trao đổi bên ngoài phòng họp*).
5. Các đại biểu tham gia cuộc họp phải tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa, tạo điều kiện cho cuộc họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng, hợp lệ.

#### **Điều 3: Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành khi có số cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **Điều 4: Điều kiện tham dự và quy định về ủy quyền**

1. Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.
2. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác tham dự ĐHĐCĐ. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.
3. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của công ty và quy định của pháp luật về dân sự. Trong trường hợp cổ đông không sử dụng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty, Văn bản ủy quyền được phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

4. Trước khi tham dự họp, Cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông phải tiến hành thủ tục đăng ký tham dự cuộc họp.

#### **Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ**

1. Tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự cuộc họp được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Tất cả các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại pháp luật hiện hành, Điều lệ của Công ty và quy chế này (sau khi quy chế được ĐHĐCĐ thông qua).
3. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông phải xuất trình bản gốc giấy tờ pháp lý cá nhân (là một trong các loại giấy tờ sau: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác), Thư mời tham dự, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền của cá nhân hoặc tổ chức) với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký và nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và tài liệu họp theo quy định của Công ty.
4. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi để chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
5. Cổ đông được quyền biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
6. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
7. Cổ đông đến sau khi Đại hội khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

#### **Điều 6: Chủ tọa Đại hội**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
2. Chủ tọa Đại hội đề cử nhân sự cho Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu, Ban Thư ký Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chủ tọa chủ trì, cùng các thành viên trong Đoàn Chủ tịch điều hành ĐHĐCĐ và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

014  
ÔNG  
Ổ PH  
ỐC  
INH  
C VÊN

5. Chủ tọa có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
6. Chủ tọa Đại hội có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và của Công ty.

**Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức Đại hội**

1. Ban Tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định thành lập hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thành lập.
2. Trưởng Ban Tổ chức Đại hội phân công các thành viên của Ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông đến dự họp, phát các tài liệu, thực hiện các công tác tổ chức khác.

**Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội lựa chọn.
2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ và làm thủ tục đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp, phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết cho cổ đông/đại diện cổ đông.
4. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

**Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban Thư ký do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký Đại hội:
  - Ghi chép trung thực, chính xác các nội dung và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
  - Lập Biên bản Đại hội.
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông/đại diện cổ đông (nếu có).
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

**Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua với số lượng 03 (ba) thành viên.
2. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.
  - Ban kiểm phiếu sẽ xác định số Phiếu tán thành, số Phiếu không tán thành và số Phiếu không có ý kiến và số Phiếu không hợp lệ; Xác định kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
  - Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
4. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác các công việc đã thực hiện và kết quả kiểm phiếu.

**Điều 11: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Hình thức biểu quyết:

- a. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc bằng hình thức sử dụng Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được in sẵn theo mẫu của Ban Tổ chức Đại hội, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội, có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.

Cổ đông dùng Thẻ biểu quyết để biểu quyết các vấn đề xin ý kiến biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng cách gior Thẻ biểu quyết.

Ngoài các vấn đề xin ý kiến biểu quyết trực tiếp bằng cách gior Thẻ biểu quyết tại đại hội, đối với các nội dung Báo cáo, Tờ trình và các nội dung khác (nếu có), Cổ đông biểu quyết bằng hình thức lựa chọn các nội dung biểu quyết (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến) vào Phiếu biểu quyết, ký xác nhận và bỏ vào Hòm phiếu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

- b. Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Chủ tọa Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- Lần thứ nhất : Biểu quyết tán thành.
- Lần thứ hai : Biểu quyết không tán thành.
- Lần thứ ba : Biểu quyết không có ý kiến.

2. *Đối với việc biểu quyết trực tiếp bằng hình thức gior Thẻ biểu quyết:* Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến) đối với từng lần Chủ tọa xin ý kiến biểu quyết về một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông không thực hiện biểu quyết nội dung nào, cổ đông có nghĩa vụ thông báo ngay tại thời điểm biểu quyết nội dung đó cho Ban kiểm phiếu để tổng hợp kết quả.

3. *Đối với việc biểu quyết nội dung các Báo cáo, Tờ trình, các nội dung khác (nếu có) bằng cách lựa chọn nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết:* Các cổ đông tích lựa chọn đánh dấu “v” hoặc “x” vào ô thích hợp trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ trong các trường hợp sau:

- + Là Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;
- + Phiếu biểu quyết không bị rách;
- + Nội dung biểu quyết không bị tẩy xóa, cạo, sửa;
- + Nội dung biểu quyết hợp lệ là nội dung được Cổ đông lựa chọn cụ thể 1 trong 3 ô: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.
- + Phiếu biểu quyết có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

- Phiếu biểu quyết và nội dung biểu quyết được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Phiếu biểu quyết không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, không có dấu của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;
- + Phiếu biểu quyết bị rách, tẩy xóa, sửa chữa các thông tin trên Phiếu;

- + Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
  - + Cổ đông không đánh dấu vào bất kỳ ô nào hoặc đánh dấu từ 2 ô trở lên đối với cùng một nội dung biểu quyết hoặc phiếu tẩy xóa dẫn tới không rõ nội dung lựa chọn thì được coi là không hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó.
  - + Phiếu biểu quyết nộp cho Ban Tổ chức Đại hội sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu đã được niêm phong.
4. Tỷ lệ biểu quyết và điều kiện để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

**Điều 12: Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

1. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. Cổ đông/đại diện cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã thông qua. Thời gian phát biểu của mỗi cổ đông tối đa là 3 phút.
3. Chủ tọa sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

**Điều 13: Biên bản và Nghị quyết Đại hội**

1. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Ban Thư ký Đại hội ghi chép đầy đủ vào Biên bản cuộc họp và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Biên bản cuộc họp là cơ sở để soạn thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua và các tài liệu có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Trường hợp Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội từ chối ký biên bản họp.

**Điều 14: Hiệu lực thi hành**

Quy chế làm việc và biểu quyết này được công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông, có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

*Phúc Yên, ngày 16 tháng 04 năm 2026*

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026  
Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026  
của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc**

Kính thưa quý vị cổ đông!

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc, trước tiên tôi xin cảm ơn toàn thể Quý cổ đông đã dành thời gian tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty ngày hôm nay.

Tôi xin thay mặt HĐQT báo cáo trước các Quý cổ đông tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 vừa qua và định hướng năm 2026.

**I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:**

**1. Các phiên họp định kỳ và chế độ báo cáo của HĐQT năm 2025:**

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 17 phiên họp định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên HĐQT tham dự. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, các nội dung đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và UBND tỉnh Phú Thọ.

**2. Các mặt hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:**

Về hoạt động giám sát, điều hành với Ban giám đốc được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty, theo quy chế làm việc của HĐQT, của Ban giám đốc, theo phân cấp ủy quyền... Về cơ bản tất cả các chỉ đạo của HĐQT đều được triển khai kịp thời, đúng đối tượng; các báo cáo vướng mắc, khó khăn đều được HĐQT quán triệt chỉ đạo xử lý dứt điểm tránh những rủi ro thiệt hại xảy ra.

**Về cơ cấu tổ chức:**

Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên gồm:

- Ông Ngô Trường Giang – Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; bổ nhiệm ngày 25/4/2022
- Ông Nguyễn Tiến Sơn –Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc; bổ nhiệm ngày 25/4/2022
- Ông Bùi Tiến Dũng – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc;
- Ông Vũ Mạnh Hà – Thành viên HĐQT, bổ nhiệm ngày 25/4/2022

Trong đó có 04 thành viên trực tiếp tham gia công tác quản lý điều hành tại doanh nghiệp.

**Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025:**

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2025 và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT dưới sự ủy quyền được thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2025 đã triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và quý 1 năm 2026 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025 (13 kỳ)	TH 2025/KH 2025 (%)	Ước TH Quý I/2026	Ước Quý I/2026/ KH 2026(%)
1	Nước sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	11.768	107	2.376	22
-	Nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	10.103	105	1.985	21
-	Tỷ lệ thất thoát	%	14,15	-	16,46	-
-	Tỷ lệ thất thoát sau xả	%	13,25	-	-	-

	rửa					
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	122.954	106	29.361	23.4
-	Doanh thu nước	triệu đồng	118.259	106	28.300	24
-	Doanh thu lắp đặt	triệu đồng	1.705	95	342	19
-	Doanh thu HĐTC + khác	triệu đồng	2.990	125	719	13.3
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	18.881	152	4.000	21
-	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	15.199	152	3.200	21
4	Nộp ngân sách	triệu đồng	18.357	101	5.114	28
5	Lao động bình quân	người	125	98	123	98
6	Tiền lương bình quân (người/tháng)	triệu đồng	12,1	103	10,4	84
7	Quản lý, phát triển khách hàng	Hợp đồng	35.387	-	35.594	-
-	Phát triển lắp mới	Hợp đồng	1.202	65	207	19

Năm 2025, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; sản lượng nước sản xuất tăng 7%, nước tiêu thụ tăng 5%; Doanh thu tăng 6%, các chỉ tiêu thu nộp ngân sách, thu nhập của người lao động đều tăng, quản lý vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, thực hiện quy trình cấp nước hợp lý, điều chỉnh áp lực cấp nước phù hợp từ đó đảm bảo cấp đủ nước ra mạng, giảm tiêu hao điện năng trong sản xuất, giảm chi phí điện năng trong các giờ cao điểm. Quý 1 năm 2026, các chỉ tiêu ước thực hiện kế hoạch năm 2026 mới chỉ hoàn thành kế hoạch, doanh nghiệp cần đẩy mạnh kế hoạch phát triển sản xuất để đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

### 3. Công tác cổ đông:

- Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc trở thành công ty đại chúng ngày 19/11/2015 theo Văn bản chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng số 7211/UBCK-QLPH ngày 19/11/2015 của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định tại điều 101 của Luật chứng khoán và Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính; Thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán ngày 06/12/2016:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc
- Mã chứng khoán: NVP
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 10.963.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 109.630.000.000 đồng
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ

Cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tháng 12/2016.

Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm chốt danh sách ngày 19/03/2026 như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số lượng Cổ phần sở hữu	Giá trị Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông tổ chức	3	10.688.400	106.884.000.000	97,50
2	Cổ đông cá nhân	116	274.600	2.746.000.000	2,50
	<b>Tổng cộng (1+2)</b>	<b>119</b>	<b>10.963.000</b>	<b>109.630.000.000</b>	<b>100</b>

#### 4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT trong năm 2025

Báo cáo về thu nhập của HĐQT năm 2025 được trình bày cụ thể tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VND)
1	Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch HĐQT	915.738.400
2	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	562.856.601
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	730.337.715

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VND)
4	Ông Nguyễn Tiến Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	531.134.160
5	Ông Vũ Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	251.745.028
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.991.811.904</b>

### 5. Đánh giá chung:

Năm 2025, tình hình kinh tế còn nhiều biến động, khó khăn, Hội đồng quản trị đã có những quyết sách, những biện pháp phù hợp, linh hoạt kịp thời giúp Công ty chủ động đối phó với những biến động đó, HĐQT cùng BGD giữ ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn liên tục với chất lượng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế. Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh, bảo toàn nguồn vốn và thực hiện tốt các chủ trương mà Đại hội cổ đông đã đề ra. Sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, lợi nhuận ổn định, sản phẩm chất lượng cao góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty.

Tuy nhiên, cũng giống như các doanh nghiệp khác, Công ty đang phải đối mặt với những khó khăn thách thức do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, giá cả biến động tăng cao làm tăng chi phí sản xuất và giảm doanh thu... Bên cạnh khó khăn do yếu tố khách quan gây ra, Công ty còn phải khắc phục những hạn chế về nguồn nhân lực và những hạn chế về khả năng nguồn vốn phục vụ cho việc đầu tư để đưa Công ty phát triển bền vững.

## II. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

#### Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025 (12 kỳ)	Kế hoạch 2026	So sánh KH2026/ TH 2025 (%)
1	Sản phẩm chủ yếu				

-	Sản lượng nước cấp ra mạng	1000m <sup>3</sup>	10.863	10.768	99
+	Nước từ các nhà máy	1000m <sup>3</sup>	8.774	8.758	100
+	Nước mưa	1000m <sup>3</sup>	2.089	2.010	96
-	Sản lượng nước tiêu thụ	1000m <sup>3</sup>	9.326	9.368	100
-	Tỷ lệ thất thoát	%	14,15	13,0	-
-	Điện năng tiêu thụ cho 1 m <sup>3</sup> nước	kw/m <sup>3</sup>	0,41	≤ 0,41	-
<b>2</b>	<b>Tổng số hộ đang thực hiện hợp đồng cấp nước</b>	hợp đồng	35.387	36.472	-
-	Số hợp đồng lắp mới	hợp đồng	1.202	1.085	90
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	113.857	125.324	110
-	Doanh thu nước sạch	Triệu đồng	109.162	118.142	108
-	Doanh thu xây lắp	Triệu đồng	1.705	1.800	106
-	Doanh thu HĐTC + khác	Triệu đồng	2.990	5.382	180
<b>4</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	Triệu đồng	18.357	19.314	105
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	18.881	15.467	82
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đồng	15.199	12.374	81
<b>7</b>	<b>Lao động</b>	Người	125	125	100
<b>8</b>	<b>Thu nhập bình quân/người/tháng</b>	Triệu đồng	12,1	12,4	102

### Các dự án đầu tư năm 2026.

Thực hiện đầu tư các công trình sau từ nguồn vốn khấu hao, vốn đầu tư phát triển và các nguồn huy động hợp pháp khác:

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	KLHT tính đến 31/12/2025	Kế hoạch 2026	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP</b>		<b>41.170</b>	<b>5.305</b>	<b>35.865</b>	
1	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Giật và Thượng Đức - TT Đạo Đức năm 2022	4,1 km	2.153	1.224	929	Đã thanh toán KLHT lần 1. Sẽ thi công tiếp khi có mặt bằng.

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	KLHT tính đến 31/12/2025	Kế hoạch 2026	Ghi chú
2	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Trong, TDP Trại Giữa và TDP Trại Ngoài - TT Đạo Đức	8,4 km	4.183	2.693	1.490	Đã thanh toán KLHT lần 1. Sẽ thi công tiếp khi có mặt bằng
3	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Tây Trại, TDP Đông Đoài - TT Đạo Đức	6,3 km	3.251	1.388	1.863	
4	Tuyến ống cấp nước truyền dẫn dọc ĐT.302 từ Km0+230 ÷ Km2+570	2,24 km	4.146		4.146	
5	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Bá Cầu - xã Sơn Lôi	6,4 km	4.995	2.086	2.909	
6	Tuyến ống cấp nước truyền dẫn xã Sơn Lôi đoạn từ đường ĐT.310B (Km2+765) đến thôn Ái Văn	1,91 km	3.525	2.468	1.057	
7	Thay thế tuyến ống cấp nước DN160 từ ngã tư Trung Trắc Nguyễn Chí Thanh đến khu MTO	1,6 km	1.299		1.299	
8	Cải tạo tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Lò Càng	1,6 km	1.547		1.547	
9	Tuyến ống cấp nước HDPE DN315 đường Vành đai 4 (đoạn từ Km0+210 đến Km1+500)	1,35 km	3.462		3.462	
10	Xây dựng tuyến ống cấp nước dọc ĐT.310B (đoạn từ Km0+010 đến Km7+985) thuộc dự án Đường ống cấp nước Bá Hiến - Bình Xuyên - Phúc Yên	3,65 km	12.609		12.609	
<b>II</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ 2026</b>		<b>386.012</b>		<b>80.818</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành sản xuất 3 tầng		2.000		2.000	
2	Cải tạo, thay thế các tuyến ống dịch vụ khu vực phường Phúc Yên, Xuân Hòa và huyện Bình Xuyên (cũ)		5.000		5.000	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	KLHT tính đến 31/12/2025	Kế hoạch 2026	Ghi chú
3	Cải tạo, sửa chữa các nhà máy, nhà trạm, giếng nước thô		3.000		3.000	
4	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn An Lão - xã Bình Nguyên	9,6 km	7.200		7.200	
5	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn Ai Văn - xã Bình Nguyên	6,45 km	5.540		5.540	
6	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn Lương Câu - xã Bình Nguyên	3,9 km	3.900		3.900	
7	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn Nhân Nghĩa - xã Bình Nguyên	4,8 km	3.780		3.780	
8	Tuyến ống cấp nước đường vành đai 4 đoạn từ Km1+550 đến ngã tư Phú Xuân	2,3 km	8.740		8.740	
9	Đầu tư xây dựng hệ thống đường ống cấp nước khu vực Tam Hợp xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ (trước đây là xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc)	42,86 km	33.275		2.400	
10	Tuyến ống truyền dẫn D300 cấp nước cho thôn Đồng Giăng, thôn Lập Đình phường Xuân Hoà	2,3 km	8.850		8.850	
11	Tuyến ống cấp nước dịch vụ thôn Đồng Giăng phường Xuân Hoà	6,9 km	4.100		4.100	
12	Tuyến ống cấp nước khu giãn dân chợ Tỉnh Ngọc Thanh	2,6 km	1.565		1.565	
13	Lắp đặt bộ truyền dữ liệu cho đồng hồ cơ đường kính >15mm	300 bộ	900		900	
14	Cải tạo NMN Phúc Yên, NMN Bình Xuyên sang sử dụng nguồn nước mặt Sông Hồng	60.000 m <sup>3</sup> /ngđ	298.162		23.843	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	KLHT tính đến 31/12/2025	Kế hoạch 2026	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>427.182</b>	<b>5.305</b>	<b>116.683</b>	

## 2. Biện pháp thực hiện:

Để phân đầu, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2026 Công ty đã đề ra các biện pháp thực hiện sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp với các nhà đầu tư, nhân dân, chính quyền địa phương huy động nguồn vốn mở rộng mạng lưới cấp nước.
- Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch, từ đó tạo dựng uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường...
- Tiếp tục thực hiện quản lý tốt mạng lưới cấp nước, từng bước đầu tư cải tạo và nâng cấp mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị giám sát theo dõi chất lượng, lưu lượng, áp lực nước hiện đại, làm tốt công tác chống thất thoát, từ đó tìm biện pháp giảm tỷ lệ thất thu, thất thoát nước sạch đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động trong quản lý điều hành của tập thể các thành viên trong HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Bám sát các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vận dụng tốt vào thực tiễn, xây dựng các phương án, cơ chế phù hợp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.
- Phát huy sức mạnh tập thể, vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị trong tất cả các hoạt động kinh tế, chính trị xã hội, đời sống, việc làm.
- Thực hiện tốt công tác ATLĐ, VSMT, PCCN giảm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

## III. Báo cáo về các giao dịch nội bộ

**1. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:**

Đã được báo cáo tại mục 2. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và được Công bố thông tin theo đúng quy định

**2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:**

Đã được báo cáo tại mục 4. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và được Công bố thông tin theo đúng quy định

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị. Kính đề nghị Đại hội xem xét và cho ý kiến.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Ngô Trường Giang**

Số: 117/BC-NSVP

Phúc Yên, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**  
**Kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026**

Kính gửi: - Đại Hội đồng cổ đông Công ty;  
- Hội đồng quản trị Công ty.

Năm 2025, Ban Điều hành đã quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời triển khai các Nghị quyết của HĐQT với kết quả đạt được như sau:

**I. Tình hình hoạt động SXKD của công ty năm 2025**

**1. Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2025:**

**1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và ước thực hiện Quý 1 năm 2026 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025 (13 kỳ)	TH 2025/KH 2025 (%)	Ước TH Quý I/2026	Ước Quý I/2026/ KH 2026(%)
1	Nước sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	11.768	107	2.376	22
-	Nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	10.103	105	1.985	21
-	Tỷ lệ thất thoát	%	14,15	-	16,46	-
-	Tỷ lệ thất thoát sau xả rửa	%	13,25	-	-	-
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	122.954	106	29.361	23.4
-	Doanh thu nước	triệu đồng	118.259	106	28.300	24
-	Doanh thu lắp đặt	triệu đồng	1.705	95	342	19
-	Doanh thu HĐTC + khác	triệu đồng	2.990	125	719	13.3
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	18.881	152	4.000	21
-	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	15.199	152	3.200	21
4	Nộp ngân sách	triệu đồng	18.357	101	5.114	28
5	Lao động bình quân	người	125	98	123	98

6	Tiền lương bình quân (người/tháng)	triệu đồng	12,1	103	10,4	84
7	Quản lý, phát triển khách hàng	Hợp đồng	35.387	-	35.594	-
-	Phát triển lắp mới	Hợp đồng	1.202	65	207	19

### **1.2. Về công tác sản xuất nước máy**

- Sản lượng nước sản xuất năm 2025 là: 11.767.630 m<sup>3</sup> (trong đó sản lượng nước sản xuất là 9.504.500 m<sup>3</sup>, sản lượng nước sạch mua từ các công ty khác là 2.263.130 m<sup>3</sup>), tăng 7% so với kế hoạch năm 2025.

- Sản lượng nước tiêu thụ là 10.103.246 m<sup>3</sup>, tăng 5% so với kế hoạch năm 2025.

- Tổng điện năng tiêu thụ năm 2025: 3,96 triệu kwh, trong đó điện năng tiêu thụ trên 1 m<sup>3</sup> nước sạch là: 0,41 kwh/m<sup>3</sup> (giảm 0,01 kwh/m<sup>3</sup> so với kế hoạch năm 2025).

- Để đảm bảo công tác sản xuất nước trong năm 2025 Công ty đã thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc với khối lượng tiến hành kéo bảo dưỡng 14 giếng nước thô; Thổi rửa vệ sinh 04 giếng khoan; Nâng cấp lắp đặt bổ sung 01 máy tính điều khiển SCADA tại TBC2; Bảo trì bảo dưỡng định kỳ các tủ điện tại các nhà máy; Thổi rửa tuyến nước thô D500, D300 nhà máy nước Phúc Yên; Tuyến ống D300 NMN Đồi Cấm;

### **1.3. Công tác thi công, lắp đặt và sửa chữa đường ống cấp nước:**

- *Thực hiện cải tạo, phát triển đường trục:*

+ Cải tạo đường trục: 3.535 m, trong đó: D<100: 3.035m, D ≥ 300: 500m.

+ Phát triển đường trục mới: 4.725 m trong đó D<100 là: 4.055m, 100 ≤ D <200 là: 310m và 200 ≤ D < 300 là: 360m.

- *Khắc phục và sửa chữa đường ống, thay thế và kiểm định đồng hồ:*

+ Xử lý ống vỡ: 3.518 điểm.

+ Nâng chuyển đồng hồ: 728 cái.

+ Thay 34 đồng hồ hộ dân và 05 đồng hồ cơ quan gặp sự cố.

+ Thay thế phụ kiện trước đồng hồ: 3.785 hộ

+ Số lượng đồng hồ đã được kiểm định: 6.511 cái (DVPY: 5.242 cái, DVBX: 1.269 cái)

### **1.4. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng:**

- Năm 2025 Công ty đã tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình cần thiết, quan trọng, cụ thể:

+ 06 công trình là Bên A ≥ 300 triệu đồng, được HĐQT phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng mức đầu tư: 24.608 triệu đồng.

+ 37 công trình là Bên A được giao nhiệm vụ với tổng dự toán 9.259 triệu đồng.

+ 02 công trình là Bên B với dự toán 454 triệu đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2025 các đơn vị thi công của Công ty đã lập hồ sơ thanh quyết toán với tổng giá trị 7.196 triệu đồng. Trong đó: Cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT: 2.328 triệu đồng và triển khai đầu tư các tuyến ống cấp nước mới với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT: 4.868 triệu đồng.

- Thanh toán cho các nhà cung cấp vật tư, thiết bị 9.137 triệu đồng; Thanh toán cho các nhà thầu tư vấn: 1.884 triệu đồng; Nhà thầu xây lắp, thi công: 4.741 triệu đồng và các thanh toán khác 276 triệu đồng.

## **2. Về quản lý điều hành thực hiện kế hoạch SXKD:**

- Năm 2025, các chỉ tiêu về sản xuất và tài chính hoàn thành theo kế hoạch.

- Luôn bám sát kế hoạch, nhiệm vụ được giao tại các kỳ họp giao ban để chỉ đạo, xử lý và giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình sản xuất nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất.

- Công tác mua sắm vật tư phục vụ thi công: đảm bảo mua đúng, đủ vật tư, thiết bị theo Luật Đấu thầu.

- Công tác đầu tư xây dựng: tích cực phối hợp với các Chủ đầu tư, Nhà thầu thi công để kết hợp cải tạo hoặc thay thế mới các tuyến ống cấp nước, nhằm đảm bảo tính đồng bộ kết cấu hạ tầng. Đồng thời luôn đôn đốc đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ, tuy nhiên còn một số công trình chưa đáp ứng tiến độ đề ra do vướng mặt bằng và thi công theo các công trình giao thông tại các địa phương.

- Công tác lao động tiền lương: đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.

- Công tác Tài chính Kế toán:

+ Tình hình tài chính của Công ty luôn minh bạch, rõ ràng.

+ Thực hiện nhiệm vụ thu, chi, kiểm tra việc chi tiêu các khoản tiền vốn, sử dụng vật tư, theo dõi đối chiếu công nợ.

+ Thực hiện các chế độ, chính sách tài chính kế toán, thực hiện thanh toán lương và các chế độ cho CBCNV trong Công ty kịp thời.

+ Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định hiện hành của nhà nước, phản ánh trung thực kết quả hoạt động của công ty.

+ Thực hiện đầy đủ việc đóng thuế và nộp ngân sách nhà nước trong năm 2025: 18,357 tỷ đồng.

- Công tác giám sát, kiểm soát chất lượng nước luôn được trú trọng đảm bảo đúng quy trình thực hiện nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm, đảm bảo chất lượng nước cấp ra mạng đạt QCVN 01:2023/VP.

- Hệ thống trang thiết bị, máy móc được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo việc phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất.

## II. Kế hoạch SXKD năm 2026

Với tốc độ phát triển kinh tế xã hội, các khu công nghiệp, khu đô thị được đầu tư tập trung và phát triển nhanh, yêu cầu nhiệm vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật phải đầu tư đồng bộ; Công ty đã lập kế hoạch để có chương trình, mục tiêu phấn đấu với những nội dung cụ thể sau:

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025 (12 kỳ)	Kế hoạch 2026	So sánh KH2026/ TH 2025 (%)
<b>1</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>				
-	Sản lượng nước cấp ra mạng	1000m <sup>3</sup>	10.863	10.768	99
+	Nước từ các nhà máy	1000m <sup>3</sup>	8.774	8.758	100
+	Nước mua	1000m <sup>3</sup>	2.089	2.010	96
-	Sản lượng nước tiêu thụ	1000m <sup>3</sup>	9.326	9.368	100
-	Tỷ lệ thất thoát	%	14,15	13,0	-
-	Điện năng tiêu thụ cho 1 m <sup>3</sup> nước	kw/m <sup>3</sup>	0,41	≤ 0,41	-
<b>1.1</b>	<b>XN Dịch vụ Phúc Yên</b>				
-	Sản lượng nước cấp ra mạng	1000m <sup>3</sup>	7.435	5.418	73
-	Nước tiêu thụ	1000m <sup>3</sup>	6.084	4.548	75
-	Tỷ lệ thất thoát	%	18,18	16,06	-
<b>1.2</b>	<b>XN Dịch vụ Bình Xuyên</b>				
-	Sản lượng nước cấp ra mạng	1000m <sup>3</sup>	3.427	5.350	156
-	Nước tiêu thụ	1000m <sup>3</sup>	3.260	4.820	148
-	Tỷ lệ thất thoát	%	4,87	9,9	-
<b>2</b>	<b>Quản lý khách hàng, phát triển cấp nước</b>				
-	Tổng số hộ đang thực hiện hợp đồng cấp nước	hợp đồng	35.387	36.472	-
+	Khách hàng cơ quan	hợp đồng	667	689	
+	Khách hàng hộ dân	hợp đồng	34.720	35.783	
-	Số hợp đồng lắp mới	hợp đồng	1.202	1.085	90
+	XNDV Phúc Yên	hợp đồng	1.004	415	41
+	XNDV Bình Xuyên	hợp đồng	198	670	338

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025 (12 kỳ)	Kế hoạch 2026	So sánh KH2026/ TH 2025 (%)
3	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	113.857	125.324	110
-	Doanh thu nước sạch	Triệu đồng	109.162	118.142	108
-	Doanh thu xây lắp	Triệu đồng	1.705	1.800	106
-	Doanh thu HĐTC + khác	Triệu đồng	2.990	5.382	180
4	<b>Nộp ngân sách</b>	Triệu đồng	18.357	19.314	105
5	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	18.881	15.467	82
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đồng	15.199	12.374	81
7	<b>Lao động</b>	Người	125	125	100
8	<b>Thu nhập bình quân/người/tháng</b>	Triệu đồng	12,1	12,4	102

## 2. Các dự án đầu tư:

Năm 2026, Công ty tiếp tục thi công 10 công trình với giá trị 34 tỷ đồng và dự kiến chuẩn bị đầu tư 14 công trình với tổng mức đầu tư khoảng 83 tỷ đồng từ nguồn vốn khấu hao, vốn đầu tư phát triển và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	KLHT tính đến 31/12/2025	Kế hoạch 2026	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP</b>		<b>41.170</b>	<b>5.305</b>	<b>35.865</b>	
1	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Giặt và Thượng Đức - TT Đạo Đức năm 2022	4,1 km	2.153	1.224	929	Đã thanh toán KLHT lần 1. Sẽ thi công tiếp khi có mặt bằng.
2	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Trong, TDP Trại Giữa và TDP Trại Ngoài - TT Đạo Đức	8,4 km	4.183	2.693	1.490	
3	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Tây Trại, TDP Đông Đoài - TT Đạo Đức	6,3 km	3.251	1.388	1.863	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	KLHT tính đến 31/12/2025	Kế hoạch 2026	Ghi chú
4	Tuyến ống cấp nước truyền dẫn dọc ĐT.302 từ Km0+230 ÷ Km2+570	2,24 km	4.146		4.146	
5	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Bá Cầu - xã Sơn Lôi	6,4 km	4.995	2.086	2.909	
6	Tuyến ống cấp nước truyền dẫn xã Sơn Lôi đoạn từ đường ĐT.310B (Km2+765) đến thôn Ái Văn	1,91 km	3.525	2.468	1.057	
7	Thay thế tuyến ống cấp nước DN160 từ ngã tư Trung Trắc Nguyễn Chí Thanh đến khu MTO	1,6 km	1.299		1.299	
8	Cải tạo tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Lò Cang	1,6 km	1.547		1.547	
9	Tuyến ống cấp nước HDPE DN315 đường Vành đai 4 (đoạn từ Km0+210 đến Km1+500)	1,35 km	3.462		3.462	
10	Xây dựng tuyến ống cấp nước dọc ĐT.310B (đoạn từ Km0+010 đến Km7+985) thuộc dự án Đường ống cấp nước Bá Hiến - Bình Xuyên - Phúc Yên	3,65 km	12.609		12.609	
<b>II</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ 2026</b>		<b>386.012</b>		<b>80.818</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành sản xuất 3 tầng		2.000		2.000	
2	Cải tạo, thay thế các tuyến ống dịch vụ khu vực phường Phúc Yên, Xuân Hòa và huyện Bình Xuyên (cũ)		5.000		5.000	
3	Cải tạo, sửa chữa các nhà máy, nhà trạm, giếng nước thô		3.000		3.000	
4	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn An Lão - xã Bình Nguyên	9,6 km	7.200		7.200	
5	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn Ái Văn - xã Bình Nguyên	6,45 km	5.540		5.540	
6	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn Lương Cầu - xã Bình Nguyên	3,9 km	3.900		3.900	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	KLHT tính đến 31/12/2025	Kế hoạch 2026	Ghi chú
7	Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn Nhân Nghĩa - xã Bình Nguyên	4,8 km	3.780		3.780	
8	Tuyến ống cấp nước đường Vành đai 4 đoạn từ Km1+550 đến ngã tư Phú Xuân	2,3 km	8.740		8.740	
9	Đầu tư xây dựng hệ thống đường ống cấp nước khu vực Tam Hợp xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ (trước đây là xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc)	42,86 km	33.275		2.400	
10	Tuyến ống truyền dẫn D300 cấp nước cho thôn Đồng Giăng, thôn Lập Đình phường Xuân Hoà	2,3 km	8.850		8.850	
11	Tuyến ống cấp nước dịch vụ thôn Đồng Giăng phường Xuân Hoà	6,9 km	4.100		4.100	
12	Tuyến ống cấp nước khu giãn dân chợ Tỉnh Ngọc Thanh	2,6 km	1.565		1.565	
13	Lắp đặt bộ truyền dữ liệu cho đồng hồ cơ đường kính >15mm	300 bộ	900		900	
14	Cải tạo NMN Phúc Yên, NMN Bình Xuyên sang sử dụng nguồn nước mặt Sông Hồng	60.000 m <sup>3</sup> /ngđ	298.162		23.843	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>427.182</b>	<b>5.305</b>	<b>116.683</b>	

### 3. Các giải pháp cho việc thực hiện kế hoạch năm 2026:

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý mạng đường ống nhằm giảm tỷ lệ thất thoát đảm bảo vượt chỉ tiêu như kế hoạch đã đề ra;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, tuyên truyền vận động khách hàng đang tạm dừng sử dụng nước sạch tiếp tục sử dụng lại để đảm bảo sức khỏe và hợp vệ sinh môi trường;

- Triển khai các bước đầu tư theo đúng quy định của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Tăng cường đầu tư trang thiết bị đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất;

- Tiết kiệm chi phí, đảm bảo doanh thu đúng, đủ, minh bạch rõ ràng, nâng cao hiệu quả công tác Tài chính - Kế toán trong Công ty;

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, củng cố tinh thần đoàn kết từ ban Điều hành đến cán bộ công nhân viên. Thường xuyên đào tạo và củng cố chuyên môn... Phát triển công tác đoàn thể để tạo hiệu ứng phong trào, gây dựng hình ảnh Công ty năng động, chuyên nghiệp;

- Đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong Công ty.

Trên đây là báo cáo thực hiện kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026 của Ban điều hành Công ty Cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc.

Trân trọng báo cáo Đại Hội đồng cổ đông./.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thanh Tùng**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC  
BAN KIỂM SOÁT



Số: 02/BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phúc Yên, ngày 23 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ  
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

- Căn cứ vào kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát năm 2025.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty năm 2025 như sau:

**I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là:

- Đại diện BKS đã tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty để duy trì việc giám sát các hoạt động của Công ty cũng như bàn về các định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị; kiểm tra tính hiệu quả của công tác điều hành kinh doanh của Công ty.

- Đại diện BKS định kỳ xem xét các báo cáo tài chính quý, năm trước khi kiểm toán và sau kiểm toán.

- Xem xét một số báo cáo định kỳ do HĐQT, Ban điều hành Công ty cung cấp.

**II. Về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành:**

- Ban Kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, số liệu, nội dung yêu cầu và tham dự, góp ý tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, tuân thủ Quy chế quản trị Công ty và các quy chế hoạt động đã ban hành.



- Hội đồng quản trị đã tổ chức 17 phiên họp định kỳ, ban hành 13 Nghị quyết và 15 Quyết định có liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; quyết định, chỉ đạo của Ban giám đốc Công ty đã kịp thời và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

### III. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025.

#### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Quý 1 năm 2026 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025	TH 2025/KH 2025 (%)	Ước TH Quý I/2026	Ước Quý I/2026/ KH 2026(%)
1	Nước sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	11.768	107	2.376	22
-	Nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	10.103	105	1.985	21
-	Tỷ lệ thất thoát	%	14,15	-	16,46	-
-	Tỷ lệ thất thoát sau xả rửa	%	13,25	-	-	-
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	122.954	106	29.361	23,4
-	Doanh thu nước	triệu đồng	118.259	106	28.300	24
-	Doanh thu lắp đặt	triệu đồng	1.705	95	342	19
-	Doanh thu HĐTC + khác	triệu đồng	2.990	125	719	13,3
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	18.881	152	4.000	21
-	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	15.199	152	3.200	21
4	Nộp ngân sách	triệu đồng	18.357	101	5.114	28
5	Lao động bình quân	người	125	98	123	98
6	Tiền lương bình quân (người/tháng)	triệu đồng	12,1	103	10,4	84
7	Quản lý, phát triển khách hàng	Hợp đồng	35.387	-	35.594	-

-	Phát triển lắp mới	Hợp đồng	1.202	65	207	19
---	--------------------	----------	-------	----	-----	----

## 2. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng:

- Năm 2025 Công ty đã tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình cần thiết, quan trọng. Cụ thể:

+ 06 công trình là Bên A  $\geq$  300 triệu đồng, được HĐQT phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng mức đầu tư: 24.608 triệu đồng.

+ 37 công trình là Bên A được giao nhiệm vụ với tổng dự toán 9.259 triệu đồng.

+ 02 công trình là Bên B với dự toán 454 triệu đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2025 các đơn vị thi công của Công ty đã lập hồ sơ thanh quyết toán với tổng giá trị 7.196 triệu đồng. Trong đó: Cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT: 2.328 triệu đồng và triển khai đầu tư các tuyến ống cấp nước mới với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT: 4.868 triệu đồng.

- Thanh toán cho các nhà cung cấp vật tư, thiết bị 9.137 triệu đồng; Thanh toán cho các nhà thầu tư vấn: 1.884 triệu đồng; Nhà thầu xây lắp, thi công: 4.741 triệu đồng và các thanh toán khác 276 triệu đồng.

## IV. Kết quả giám sát về tài chính và thẩm định tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính:

Trên cơ sở báo cáo tài chính do Ban điều hành Công ty lập, Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, Ban kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Thống nhất với báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán trên.

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tính hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu cáo cáo quy định của Bộ Tài chính.

- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

- Công ty đã thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng đầy đủ và kịp thời. Báo cáo đáp ứng được các nội dung cũng như biểu mẫu theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý tài chính.

**\* Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính năm 2025:**

Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2025, Ban kiểm soát lập bảng tổng hợp sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2005	01/01/2025
			Chỉ số	Chỉ số
<b>A</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
1	Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,53	1,36
2	Khả năng thanh toán hiện hành Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,88	1,89
<b>B</b>	<b>Cơ cấu Tài sản, nguồn vốn</b>			
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	35,93	26,56
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	64,07	73,44
3	Tổng nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	24,37	28,29
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	75,63	71,71
<b>C</b>	<b>Hệ số Nợ</b>			
1	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	32,22	39,44
2	Nợ phải thu của khách hàng/Tài sản ngắn hạn	%	14,00	6,79
<b>D</b>	<b>Chỉ số hiệu quả hoạt động</b>			
1	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,84	4,81
2	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS)	%	12,67	8,83
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,37	6,71

**\* Nhận xét:**

- Khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán năm 2025 đều tăng so với đầu năm. Hệ số thanh toán hiện hành đạt 2,88 lần, thanh toán nhanh đạt 2,53 lần, cho thấy Công ty có khả năng thanh toán tốt, đảm bảo đáp ứng các nghĩa vụ nợ đến hạn, rủi ro tài chính thấp.

- Cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 26,56% lên 35,93%, phản ánh xu hướng gia tăng tài sản lưu động. Tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn (64,07%), phù hợp với đặc thù doanh nghiệp cấp nước. Tỷ lệ nợ phải trả giảm xuống

24,37%, trong khi vốn chủ sở hữu tăng lên 75,63%, cho thấy cơ cấu tài chính an toàn, mức độ tự chủ cao.

- Hệ số nợ và công nợ: Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 39,44% xuống 32,22%, cho thấy Công ty giảm phụ thuộc vào vốn vay. Tuy nhiên, tỷ trọng phải thu khách hàng tăng lên 14,00%, cần tăng cường quản lý công nợ.

- Hiệu quả hoạt động: Các chỉ tiêu sinh lời đều tăng trưởng tích cực: ROA đạt 7,84%, ROE đạt 10,37%, ROS đạt 12,67%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn và tài sản được cải thiện rõ rệt.

\* **Đánh giá chung:** Tình hình tài chính năm 2025 của Công ty ổn định, an toàn và có xu hướng cải thiện, đảm bảo khả năng thanh toán, cơ cấu vốn hợp lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng. Tuy nhiên, cần tiếp tục kiểm soát công nợ phải thu và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

#### V. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành, tham gia các cuộc họp của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin từ HĐQT, Ban giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty. Từ đó Ban kiểm soát đã tham gia góp ý, kiến nghị việc quản trị điều hành công ty trong các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý, năm.

- Ban kiểm soát đã trao đổi với HĐQT, Ban giám đốc trên tinh thần trung thực, thẳng thắn đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty về những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên để đảm bảo việc thực thi đạt kết quả và đúng Pháp luật.

#### VI. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Báo cáo về thu nhập của BKS năm 2025 được trình bày cụ thể tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VND)	Ghi chú
1	Ông Dương Cảnh Hưng	Trưởng BKS	355.044.593	
2	Ông Phạm Huy Hùng	Thành viên BKS	288.194.584	
3	Bà Đào Thị Hương	Thành viên BKS	211.226.828	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>854.466.005</b>	

#### VII. Tình hình cổ đông:

Tình hình cổ đông tại thời điểm ngày 19/03/2026 (thời điểm chốt danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm

2026 - Danh sách do Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp) như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số lượng Cổ phần sở hữu	Giá trị Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông tổ chức	3	10.688.400	106.884.000.000	97,50
2	Cổ đông cá nhân	116	274.600	2.746.000.000	2,50
	<b>Tổng cộng (1+2)</b>	<b>119</b>	<b>10.963.000</b>	<b>109.630.000.000</b>	<b>100</b>

### VIII. Đánh giá về các giao dịch có liên quan và giao dịch nội bộ

1. Các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: Đã được báo cáo tại mục 2. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và được Công bố thông tin theo đúng quy định.

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Đã được báo cáo tại mục 4. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và được Công bố thông tin theo đúng quy định.

### IX. Kết luận và kiến nghị:

Năm 2025, Công ty đã đảm bảo an toàn trong vận hành hệ thống cấp nước, sản lượng nước sạch cấp ra mạng ổn định, đạt tiêu chuẩn, đáp ứng đủ cho người dân và các doanh nghiệp; công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc kịp thời, cơ bản các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch năm:

- Tổng sản lượng nước cấp ra mạng, nước tiêu thụ đều vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra do năm 2025 có 13 kỳ đọc số. Sản lượng nước sản xuất năm 2025 là: 11.767.630 m<sup>3</sup> (trong đó sản lượng nước sản xuất là 9.504.500 m<sup>3</sup>, sản lượng nước sạch mua từ các công ty khác là 2.263.130 m<sup>3</sup>), tăng 7% so với KH năm.

- Sản lượng nước tiêu thụ là 10.103.246 m<sup>3</sup>, tăng 5% so với KH năm.

- Tổng điện năng tiêu thụ năm 2025: 3,96 triệu kwh, trong đó điện năng tiêu thụ trên 1 m<sup>3</sup> nước sạch là: 0,41 kwh/m<sup>3</sup> (giảm 0,01 kwh/m<sup>3</sup> so với năm 2024).

- Tổng doanh thu đạt 106% so với kế hoạch UBND Tỉnh giao.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 152% so với kế hoạch.

- Thực hiện đầy đủ việc đóng thuế và nộp ngân sách nhà nước trong năm 2025 18,3 tỷ đồng.

Công tác kiểm soát thất thoát năm 2025 gặp nhiều khó khăn do một số tuyến ống dịch vụ lâu năm ở phường Phúc Yên và phường Xuân Hoà có dấu hiệu xuống cấp chưa được thay thế, cải tạo và sửa chữa kịp thời gây thất thoát nước lớn. Xí nghiệp Dịch vụ đã phối hợp

chặt chẽ cùng các phòng ban hoạt động tích cực, sát sao trong quản lý mạng lưới cấp nước và xử lý sự cố: tăng cường phân vùng tách mạng, phân tích nguyên nhân thất thoát, kiểm tra các đồng hồ block và khẩn trương khắc phục sự cố để kiểm soát tỷ lệ thất thoát. Tuy nhiên, tỷ lệ thất thoát vẫn tăng so với năm 2024 do điếm vỡ quá nhiều từ 11,61% năm 2024 lên 13,98% năm 2025 (tỷ lệ thất thoát sau xả rửa là 13,08%), trong đó:

+ Khu vực phường Phúc Yên và phường Xuân Hoà do XNDV Phúc Yên quản lý có tỷ lệ thất thoát: 18,18% (tỷ lệ thất thoát sau xả rửa 17,05%).

+ Khu vực 1 phần các xã Bình Nguyên, xã Xuân Lãng, xã Bình Tuyên do XNDV Bình Xuyên quản lý, kiểm soát tỷ lệ thất thoát rất tốt: 4,87% (tỷ lệ thất thoát sau xả rửa 4,57%)

- Công tác đầu tư, thi công, xây lắp, kiểm định đồng hồ và thanh quyết toán XD CB cơ bản đảm bảo kế hoạch, tiến độ.

- Công tác an sinh xã hội, từ thiện; việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, sức khoẻ cho CBCNV, NLĐ được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm, như tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tổ chức và động viên CBCNV, NLĐ tham gia phong trào thể dục thể thao...

- Các chế độ, quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng Bộ luật Lao động; việc chi trả lương hàng tháng thực hiện đúng hạn; các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ; đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Mức thu nhập bình quân 12,1 triệu đồng/tháng, tăng 5% so với năm 2024.

Ban kiểm soát nhất trí với Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, Báo cáo tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty trình Đại hội; Kính đề nghị Đại hội thông qua Kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty.

**\* Kiến nghị và đề xuất của Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty xem xét chỉ đạo các nội dung:

- Tiếp tục khẩn trương thực hiện các dự án đang thi công dở dang hoặc đã duyệt chủ trương đầu tư như: Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Bá Cầu - xã Sơn Lôi; Xây dựng tuyến ống cấp nước dọc ĐT.310B (đoạn từ Km0+010 đến Km7+985) thuộc dự án Đường ống cấp nước Bá Hiến - Bình Xuyên - Phúc Yên...

- Triển khai quyết liệt các giải pháp chống thất thoát nước; Đầu tư cải tạo, thay thế các tuyến ống xuống cấp; Xử lý kịp thời các điếm rò rỉ, thất thoát lớn; Từng bước phân vùng quản lý mạng lưới (DMA), tăng cường giám sát lưu lượng, áp lực nhằm phát hiện sớm rò rỉ, giảm tỷ lệ thất thoát xuống  $\leq 13\%$  theo KH 2026.

- Rà soát, đánh giá và thu hồi các khoản nợ khó đòi, không để phát sinh thêm nợ xấu; tích cực hơn nữa trong việc đôn đốc công nợ tiền nước và thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Dương Cảnh Hưng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

Số: 03/ TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phủ Thọ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

### **TỜ TRÌNH**

V/v quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và  
kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2026 như sau:

#### **1. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025:**

**Năm 2025:** Thanh toán thù lao cho HĐQT, BKS là 12 tháng

Mức thù lao: - Chủ tịch HĐQT:	3 triệu đồng/tháng
- Thành viên HĐQT:	2 triệu đồng/tháng
- Trưởng BKS:	2 triệu đồng/tháng
- Thành viên BKS:	1 triệu đồng/tháng

Số lượng thành viên HĐQT: 05 người (trong đó 01 Chủ tịch và 04 ủy viên)

Số lượng thành viên BKS: 03 người (trong đó 01 Trưởng ban và 02 ủy viên)

**Tổng mức thù lao đã chi trả cho HĐQT và BKS năm 2025 là: 180 triệu đồng.**

#### **2. Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2026**

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026 cũng như so sánh với các công ty cổ phần cùng quy mô, loại hình hoạt động, HĐQT Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch chi thù lao năm 2026 như sau:



Mức thù lao:

- |                    |                    |
|--------------------|--------------------|
| - Thành viên HĐQT: | 2 triệu đồng/tháng |
| - Trưởng BKS:      | 2 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên BKS:  | 1 triệu đồng/tháng |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

*Nơi nhận:*

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Trường Giang



Số: 04/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua 17/06/2020;

Căn Cứ Điều lệ tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công Ty đã được kiểm toán.

HĐQT Công ty trình Đại hội cổ đông thông qua báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO theo các nội dung cụ thể như sau:

- Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng tài sản tại 31/12/2025	193.728.584.640
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	18.881.030.997
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	15.199.101.093

- Hội đồng quản trị Công ty xin gửi kèm Tờ trình này Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán rút gọn bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán.
- + Báo cáo kết quả kinh doanh.
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Toàn văn báo cáo tài chính đã được công ty Công bố thông tin và đăng tải trên Website công ty theo đường dẫn: <https://nuocsachvinhphuc.com.vn/>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NƯỚC SẠCH  
VĨNH PHÚC  
P. PHÚC YÊN - P. PHÚ THỌ

Ngô Trường Giang



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>69.624.074.713</b>	<b>51.035.424.060</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.490.231.423</b>	<b>1.781.747.267</b>
1. Tiền	111		3.490.231.423	1.781.747.267
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>42.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	42.000.000.000	29.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.276.073.830</b>	<b>4.974.912.424</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.749.396.646	3.467.398.146
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.580.539.000	1.685.341.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.493.418.054	12.061.107.648
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.547.279.870)	(12.238.934.870)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>8.438.634.351</b>	<b>14.110.211.870</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.006.972.078	16.901.499.376
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.568.337.727)	(2.791.287.506)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.419.135.109</b>	<b>1.168.552.499</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	4.192.263.757	188.750.201
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		226.871.352	979.802.298
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>124.104.509.927</b>	<b>141.128.523.643</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110.733.733.887</b>	<b>127.417.971.392</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	110.660.445.690	127.417.971.392
- Nguyên giá	222		414.871.400.591	409.517.102.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(304.210.954.901)	(282.099.130.678)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	73.288.197	-
- Nguyên giá	228		768.402.000	667.702.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(695.113.803)	(667.702.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.749.103.751</b>	<b>1.727.756.241</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.749.103.751	1.727.756.241
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.500.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	5.500.000.000	5.500.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.121.672.289</b>	<b>6.482.796.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.121.672.289	6.482.796.010
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>193.728.584.640</b>	<b>192.163.947.703</b>


Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

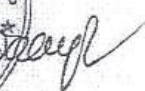
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>47.198.265.700</b>	<b>54.345.954.856</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.145.886.080</b>	<b>27.070.480.332</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.890.545.717	9.911.826.065
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		642.565.325	747.273.432
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.028.020.603	1.132.818.942
4. Phải trả người lao động	314		5.990.424.893	6.916.425.612
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.222.289.497	2.220.026.942
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	471.275.721	602.210.247
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	4.223.094.904	4.223.094.904
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.677.669.420	1.316.804.188
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.052.379.620</b>	<b>27.275.474.524</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	6.160.000.000	6.160.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	16.892.379.620	21.115.474.524
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>146.530.318.940</b>	<b>137.817.992.847</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>146.530.318.940</b>	<b>137.817.992.847</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.630.000.000	109.630.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.630.000.000	109.630.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.721.834.704	14.962.550.568
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.199.101.093	9.246.059.136
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa PP năm nay	421b		15.199.101.093	9.246.059.136
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.979.383.143	3.979.383.143
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>193.728.584.640</b>	<b>192.163.947.703</b>

  
Phạm Thị Lan Anh  
Người lập biểu  
Phủ Thọ, ngày 26 tháng 3 năm 2026

  
Ngô Thị Vinh  
Kế toán trưởng

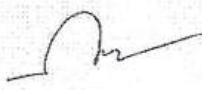
  
Ngô Trường Giang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị




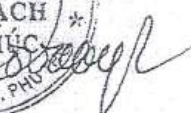
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	119.963.907.052	104.721.244.603
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	21	119.963.907.052	104.721.244.603
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	75.944.396.889	72.512.865.777
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.019.510.163	32.208.378.826
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.821.850.009	1.793.435.016
6. Chi phí tài chính	22	25	1.433.025.373	1.662.490.901
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.433.025.373	1.662.490.901
7. Chi phí bán hàng	25	26	7.287.124.713	5.962.561.395
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	16.902.780.159	13.496.631.607
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - (25 + 26))	30		20.218.429.927	12.880.129.939
10. Thu nhập khác	31	27	1.168.794.825	676.886.607
11. Chi phí khác	32	28	2.506.193.755	2.072.006.075
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.337.398.930)	(1.395.119.468)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.881.030.997	11.485.010.471
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.681.929.904	2.238.951.335
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		15.199.101.093	9.246.059.136
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30		577

  
Phạm Thị Lan Anh  
Người lập biểu  
Phú Thọ, ngày 26 tháng 3 năm 2026

  
Ngô Thị Vinh  
Kế toán trưởng

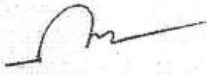
  
Ngô Trường Giang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

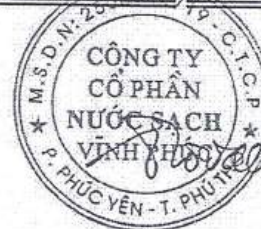
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.881.030.997	11.485.010.471
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.256.248.906	23.971.617.891
- Các khoản dự phòng	03	2.085.395.221	(625.266.353)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.904.956.573)	(1.751.905.780)
- Chi phí lãi vay	06	1.433.025.373	1.662.490.901
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.750.743.924	34.741.947.130
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.961.377.960)	5.671.868.901
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	439.412.836	1.352.128.084
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.464.180.146	(6.216.394.182)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	825.922.021	4.551.878.538
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.433.025.373)	(1.662.490.901)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.068.951.335)	(3.077.021.047)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.562.934.768)	(2.215.596.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.453.969.491	33.146.320.187
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.026.982.270)	(24.360.718.563)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	242.845.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.000.000.000)	(41.085.294.092)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	29.000.000.000	32.085.294.092
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.821.850.009	1.793.435.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.962.286.806)	(31.567.283.547)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.111.128.134	9.066.234.420
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.334.223.038)	(13.289.329.324)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.560.103.625)	(2.405.106.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.783.198.529)	(6.628.200.904)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.708.484.156	(5.049.164.264)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.781.747.267	6.830.911.531
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	3.490.231.423	1.781.747.267

  
Phạm Thị Lan Anh  
Người lập biểu  
Phủ Thọ, ngày 26 tháng 3 năm 2026

  
Ngô Thị Vinh  
Kê toán trưởng

  
Ngô Trường Giang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 05/ TTr-HĐQT

Phủ Thọ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025.

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc**

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;
- Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025.

**1. Số lượng, tỷ lệ cổ phần và mức lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025:**

- Tổng vốn điều lệ năm 2025: 109.630.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 10.963.000 cổ phần

Trong đó:

- + Cổ phần do Nhà nước nắm giữ: 10.569.900 CP (chiếm 96,414%)
- + Cổ phần do các cổ đông ngoài Nhà nước nắm giữ: 393.100 CP (chiếm 3,586%)

- Mức lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025: **15.199.101.093** đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế lũy kế trên vốn điều lệ: 13,86%

**2. Đề xuất lựa chọn phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025:**

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025 như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025: **15.199.101.093** đồng

- Trích quỹ đầu tư phát triển (45%): 6.840.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi xấp xỉ 3 tháng lương bình quân thực hiện năm 2025: 4.522.051.093 đồng
- Chia cổ tức cho các cổ đông số còn lại: 3.837.050.000 đồng, tương đương mức cổ tức là: 3,5% Vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Trường Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 06 / TTr-BKS

Phủ Thọ, ngày 27 tháng 03 năm 2026

### **TỜ TRÌNH**

V/v Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán  
BCTC năm 2026 của Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020;
- Căn cứ điều lệ Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc.

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát trình Đại hội tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty và đề xuất về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán như sau:

#### **1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập**

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với quy định hiện hành.
- Tổ chức kiểm toán độc lập này được Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo danh sách hàng năm.

#### **2. Đề xuất về việc lựa chọn công ty kiểm toán**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán phù hợp: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, Công ty TNHH kiểm toán VACO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Dương Cảnh Hưng**

Số: 071 TTr-HĐQT

Phú Thọ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

(V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty)

Kính trình:

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 16/07/2020; được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 thông qua ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn vào doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;
- Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc ("Công Ty");
- Căn cứ Nghị quyết của HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 26/02/2026 v/v Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;
- Căn cứ tình hình thực tế của Công Ty,

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty, chi tiết theo nội dung trong tài liệu đính kèm sau:

(Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc đính kèm Tờ trình này)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ban hành Toàn văn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty để sửa đổi nội dung trên và thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Ngô Trường Giang**

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỜ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

(Đính kèm tờ trình số .../KT.../2026/TTY-HDQT ngày 22/12/2026)

STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành		Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)		Căn cứ sửa đổi																								
1	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 220 Đường Trần Phú, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam</p>		<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam</p>		GCN ĐKDN																								
2	<p><b>Điều 4.</b></p> <p>2.Ngành nghề kinh doanh của Công ty</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên ngành</th> <th>Mã ngành (chính)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Khai thác, xử lý và cung cấp nước</td> <td>3600</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý, xử lý nước thải đô thị</li> <li>- Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước.</li> <li>- Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng. hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước</li> <li>- Thăm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra dự toán công trình cấp thoát nước</li> <li>- Tư vấn kiểm định đồng hồ đo nước lạnh (Đối với những ngành nghề kinh</li> </ul> </td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		STT	Tên ngành	Mã ngành (chính)	1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý, xử lý nước thải đô thị</li> <li>- Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước.</li> <li>- Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng. hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước</li> <li>- Thăm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra dự toán công trình cấp thoát nước</li> <li>- Tư vấn kiểm định đồng hồ đo nước lạnh (Đối với những ngành nghề kinh</li> </ul>		<p><b>Điều 4.</b></p> <p>2.Ngành nghề kinh doanh của Công ty</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên ngành</th> <th>Mã ngành (chính)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Khai thác, xử lý và cung cấp nước</td> <td>3600</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Thoát nước và xử lý nước thải</td> <td>3700</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa</td> <td>4610</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</td> <td>4673</td> </tr> </tbody> </table>		STT	Tên ngành	Mã ngành (chính)	1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	3	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa	4610	4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673	Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
STT	Tên ngành	Mã ngành (chính)																											
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600																											
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý, xử lý nước thải đô thị</li> <li>- Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước.</li> <li>- Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng. hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước</li> <li>- Thăm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra dự toán công trình cấp thoát nước</li> <li>- Tư vấn kiểm định đồng hồ đo nước lạnh (Đối với những ngành nghề kinh</li> </ul>																												
STT	Tên ngành	Mã ngành (chính)																											
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600																											
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700																											
3	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa	4610																											
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673																											

STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Căn cứ sửa đổi
	doanh có điều kiện Doanh nghiệp chi kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết - Sản xuất, kinh doanh nước sạch và nước tinh khiết)	1104
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết - Xây dựng công trình cấp, thoát nước - Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi - Thi công xây dựng công trình điện đến 35KV	4290
5	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
7	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
8	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
5	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
6	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác (Thiết kế máy móc và thiết bị; Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, giao thông; Giám sát thi công xây dựng cơ bản)	7110
7	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Bao gồm các dịch vụ kiểm định, kiểm tra, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường bao gồm đồng hồ nước lạnh; Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: nước)	7120
8	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai)	1105
9	Bán buôn đồ uống (Bán buôn đồ uống không có cồn; Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác)	4633 (46332)
10	Bán lẻ đồ uống (Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác)	4723
11	Xây dựng công trình đường bộ	4212

STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
12	Xây dựng công trình điện	4221	
13	Xây dựng công trình cấp thoát nước	4222	
14	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
15	Xây dựng công trình thủy lợi	4291	
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
17	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
18	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322	
19	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
20	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
21	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng	4340	
22	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
23	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510	
24	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác (Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày)	5520 (55202)	

STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
25	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân được vào đầu (hoạt động của các nhà kinh tế xây dựng)	7499	
26	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Cho thuê máy móc, thiết bị không kèm người điều khiển)	7730	
27	Vận tải đường ống	4940	
28	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn của ngành 25 (sửa chữa, bảo dưỡng đường ống, sửa chữa làn động cơ)	3311	
29	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (Sửa chữa, bảo dưỡng máy bơm, máy nén khí và thiết bị có liên quan; Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị sử dụng điện năng từ thủy lực; Sửa chữa van; Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nâng hạ và thiết bị vận chuyển bốc dỡ vật liệu);	3312	
30	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện (Sửa chữa, bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện và bộ máy máy phát điện; Sửa chữa, bảo dưỡng pin và các phụ kiện; Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng; Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị	3314	

STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi	
3	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT</b></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p>	<p><i>không dẫn diện đề nghị cho các mạch điện)</i></p>		
		31	<p>Kho bãi và lưu trữ hàng hóa (Kho bãi và lưu trữ hàng hóa trong kho loại khác)</p>	5210 (52109)
		32	<p><i>Cho thuê và vận hành nhà ở và đất ở</i></p>	68103
		33	<p>Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở</p>	68104
34	<p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật mới trong)</p>	7212		
3	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT</b></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p>	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT</b></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p>		

STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	<p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p>	<p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>đ) <u>Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.</u></p> <p>Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư vượt thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước thì Hội đồng quản trị báo cáo và chỉ được quyết định sau khi người đại diện vốn nhà nước xin ý kiến chủ sở hữu và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận theo quy định. Cụ thể như sau:</p> <p>Đối với các dự án, khoản đầu tư liên quan đến phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tham gia ý kiến, biểu quyết tại Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu.</li><li>- Báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các</li></ul>	<p>Luật Quản lý và đầu tư vốn vào doanh nghiệp số 68/2025/QH 15 ngày 14/6/2025.</p> <p>Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p>

STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	<p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>nội dung thuộc thẩm quyền hoặc vượt thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước.</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cho thuê và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Đối với việc mua, thuê mua, bán tài sản cố định và các giao dịch liên quan đến quản lý, sử dụng vốn nhà nước, Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; trường hợp vượt thẩm quyền thì Hội đồng quản trị báo cáo và chỉ được quyết định sau khi người đại diện vốn nhà nước xin ý kiến chủ sở hữu và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận theo quy định.</p>	
	<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác,</p>	<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao</p>	

STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	<p>quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	



STT	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
-----	--------------------------------	--	----------------